**TUẦN 24**

**Ngày soạn: 1/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Hai ngày 3 tháng 3 năm 2025**

**BUỔI SÁNG**

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 70**

**BÀI 24: PHÒNG TRÁNH BỊ BẮT CÓC (tiết 1 )**

**I.** **YÊU CÂU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nghe đánh giá, nhận xét tuần qua và phương hướng tuần tới; nhận biết những ưu điểm cần phát huy và nhược điểm cần khắc phục.

- Rèn kĩ năng chú ý lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày, nhận xét; tự giác tham gia các hoạt động,...

- Phân biệt được cách ứng xử giữa người thân và người quen. Nhận diện được các tình huống có nguy cơ bị bắt cóc, biết cảnh giác với người lạ để phòng tránh bị bắt cóc; rèn luyện kĩ năng quan sát, kĩ năng phân tích, kĩ năng ra quyết định.

- HS biết cách bày tỏ thái độ, cách ứng xử phù hợp với mọi người xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Loa, míc, máy tính có kết nối mạng Internet, video hài...

- Học sinh:Một số tình huống

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Chào cờ**  **2.Sinh hoạt dưới cờ**    **3.Tổng kết, dặn dò** | - HS tập trung trên sân cùng HS toàn trường.  - Thực hiện nghi lễ chào cờ.  - GV trực ban tuần lên nhận xét thi đua.  - Đại diện BGH nhận xét bổ sung và triển khai các công việc tuần mới.  - Xem tiểu phẩm về chủ đề “ Phòng chống bắt cóc trẻ em”.  \* Khởi động:  - GV yêu cầu HS khởi động hát  - GV dẫn dắt vào hoạt động.    - GV đọc bài thơ về Cáo.  - GV gắn một cái đuôi cáo bằng giấy ra sau lưng, GV chạm vào bạn nào bạn đó sẽ trở thành cáo con và sẽ đi theo đuôi cáo mẹ một vòng quanh lớp. GV vừa đi vừa đọc bài thơ “Mẹ cáo dặn”.  - GV đặt câu hỏi khuyến khích HS trả lời:  + Cáo con đã quan sát giỏi như thế nào để nhận ra cáo mẹ?  + Đàn cáo đi như thế nào, có bám sát nhau, có đi thành hàng không?  + Nếu biết quan sát như cáo con, bám sát nhau và không bỏ hàng ngũ thì mình có dễ bị lạc không?  Kết luận: GV dẫn dắt vào chủ đề Bầy cáo biết tìm và nhận ra đặc điểm cái đốm trắng trên đuôi, biết đi nối đuôi nhau nên không sợ bị lạc.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - GV dặn dò HS chuẩn bị nội dung HĐGD theo chủ đề | - HS điểu khiển lễ chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS hát.  - HS lắng nghe  - Lắng nghe  - HS theo dõi  - HS lắng nghe, trả lời  - HS thực hiện yêu cầu.  - Lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Toán: Tiết 116**

**GIỜ - PHÚT (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nhận biết được 1 giờ có 60 phút.

- Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.

- Cảm nhận được mối liên hệ chặt chẽ giữa thời gian và cuộc sống, hình thành thói quen quý trọng thời gian.

- Phát triển năng lực toán học.

**-** Chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Máy tính, SGK,…

- Học sinh: SGK, VBT, vở…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá**  **3.Thựchành**  **Bài 1**  **Bài 2**  **3. Vận dụng** | - GV cho học sinh chia sẻ theo nhóm một số thông tin về một số hoạt động gắn với thời gian trong ngày của em. Nói cho nhau nghe đồng hồ giúp ích cho cuộc sống con người như thế nào, chẳng hạn đồng hồ cho chúng ta biết điều gì? (thời gian, đồng hồ nhắc em đi học đúng giờ,..)  - GV cho học sinh nói cho bạn nghe các hoạt động diễn ra trong ngày, chẳng hạn: buổi sáng tớ thức dậy lúc 6 giờ,..  - GV cho học sinh quan sát đồng hồ và thảo luận:  + Trên mặt đồng hồ có gì?  + Các chấm trên mặt đồng hồ có ý nghĩa gì?  - Cho học sinh đếm các vạch trên mặt đồng hồ để nhận biết có 12 vạch to. Giữa hai vạch to là các vạch nhỏ. Có tất cả 60 vạch.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cho HS quay kim phút một vòng (60 vạch) và quan sát kim giờ dịch chuyển một vạch to.  - GV chiếu slide miêu tả kim phút quay một vòng thì kim giờ dịch chuyển thêm một vạch to.  - GV nhận xét: 1 giờ = 60 phút  - GV gọi học sinh nhắc lại.  - GV yêu cầu học sinh thực hiện các thao tác:  + Quay kim đồng hồ chỉ 9 giờ đúng; quan sát đồng hồ và đọc giờ trên đồng hồ.  + Quay kim phút chỉ vào số 3; trả lời câu hỏi: kim phút đã chạy được bao nhiêu phút từ số 12 đến số 3?  - GV giới thiệu cách đọc giờ: 9 giờ 15 phút.  - GV quay kim đồng hồ ở vị trí 9 giờ 15 phút. GV yêu cầu học sinh đọc và quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 9 giờ 15 phút  - GV và học sinh thực hiện tương tự với trường hợp kim phút chỉ vào số 6. GV quay kim đồng hồ ở vị trí 9 giờ 30 phút. GV yêu cầu HS đọc và quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 9 giờ 30 phút, Gv giới thiệu: “9 giờ 30 phút” hay còn gọi là 9 giờ rưỡi”  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV yêu cầu học sinh quay kim đồng hồ và đọc giờ chỉ trên đồng hồ với bạn.  - GV quan sát, giúp đỡ học sinh.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  - Học sinh đặt câu hỏi và trả lời theo cặp: Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?  - GV mời đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ cách xem đồng hồ trong mỗi trường hợp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  a) GV yêu cầu học sinh quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong SGK, mỗi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiểm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa.  b)Thực hiện tương tự như phần a: HS quay kim đồng hồ và giải thích cho bạn nghe, chẳng hạn: 13 giờ rưỡi là 1 giờ 30 phút chiều nên quay kim giờ chỉ vào số 1, kim phút chỉ vào số 6.  - Nhận xét  - Hôm nay các em học bài gì?  - Các em áp dụng bài đã học vào cuộc sống như thế nào?  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học  - GV đánh giá, động viên, khích lệ HS. | - Học sinh chia sẻ trong nhóm.  - Học sinh trao đổi với bạn các hoạt động diễn ra trong ngày.  - Học sinh trả lời.  - Học sinh thực hiện.  - Học sinh quan sát.  - Học sinh lắng nghe.  - Học sinh nhắc lại.  - Học sinh quay kim đồng hồ  -15 phút  - Học sinh nhắc lại cách đọc.  - Học sinh thực hiện.  - Học sinh thực hiện với sự hướng dẫn của giáo viên.  - Học sinh thực hiện.  - HS đọc yêu cầu.  - Học sinh thực hiện theo cặp  - Học sinh trình bày.  - Học sinh trả lời.  - HS đọc yêu cầu  - Học sinh quay đồng hồ và chia sẻ với bạn.  - Học sinh thực hiện quay kim đồng hồ và chia sẻ với bạn.  - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt: Tiết 231+ 232**

**CHIA SẺ VÀ ĐỌC: BỜ TRE ĐÓN KHÁCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Đọc bài Bờ tre đón khách với giọng đọc hồn nhiên, vui tươi; thể hiện sự niềm nở, mến khách của bờ tre với những người bạn chim từ khắp nơi vui vẻ bay đến làm khách. Phát âm đúng các từ ngữ. Ngắt nghỉ đúng giữa các dòng thơ, cuối mỗi dòng thơ.

- Hiểu được nghĩa của các từ ngữ, hiểu nội dung bài thơ: Sự quấn quýt giữa cây cối và các loài vật trong thiên nhiên. Bờ tre mến khách, tiếp đón nhiệt tình những người bạn chim từ khắp nơi bay đến. Các loài chim yêu mến bờ tre nên bay đến đậu bên bờ tre.

- Biết đặt câu hỏi cho bộ phận câu trả lời câu hỏi Ở đâu? Biết đặt câu có bộ phận câu trả lời câu hỏi Ở đâu? Biết cùng các bạn thảo luận nhóm; hợp tác tìm hiểu bài.

- Yêu thích những câu thơ hay, những hình ảnh đẹp.

- Thuộc lòng 10 dòng thơ đầucủa bài thơ.

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: máy tính, máy chiếu, SGK,...

- Học sinh: SGK, vở bài tập Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU(70P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động**  **\* Chia sẻ chủ điểm**  **2.Khám phá**  **Đọc thành tiếng**  **\* Đọc hiểu**  **3.Luyện tập**  **4. Vận dụng** | - Tiếp tục chủ điểm Thế giới loài chim ở tuần trước, trong tuần này với chủ điểm Những người bạn nhỏ, các em sẽ được học những bài văn, bào thơ, câu chuyện nói về sự gắn bó của con người với các loài chim, với những người bạn có cánh trong thiên nhiên.  - GV chiếu lên màn hình hình ảnh các loài chim. 2HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu bài tập  + HS1 đọc 3 câu đố đầu:  a. Chim gì báo hiệu xuân sang?  b. Chim gì chuyên bắt sâu?  c. Chim gì biết đưa thư, là biểu tượng của hòa bình?  + HS2 đọc 2 câu đố sau:  d. Chim gì mặt giống mặt mèo, ăn đêm, chuyên bắt chuột?  e. Chim gì có bộ lông đuôi rực rỡ, sắc màu, múa rất đẹp?  - GV chỉ hình, HS đọc tên các loài chim: én, cú, bồ câu, chim sâu, công.  - GV yêu cầu HS đọc các câu đố, nhìn hình các loài chim và giải câu đố.  - GV mời các cặp HS, 1em ra câu đố - 1em đáp lại. Em nào không trả lời được, nhờ bạn khác hỗ trợ.  a. Chim gì báo hiệu xuân sang? - Chim én.  b. Chim gì chuyên bắt sâu? – Chim sâu.  c. Chim gì biết đưa thư, là biểu tượng của hòa bình? –Bồ câu.  d. Chim gì mặt giống mặt mèo, ăn đêm, chuyên bắt chuột? –Cú mèo.  e. Chim gì có bộ lông đuôi rực rỡ, sắc màu, múa rất đẹp? – Chim công.  - Theo các em, các loài chim mang đến những lợi ích nào cho con người?  + Chim sâu bắt sâu giúp cho cây tươi tốt.  + Cú mèo bắt chuột.  + Gà trống gáy báo hiệu trời sáng.  + Gà mái đẻ trứng cho người ăn.  + Hoa mi, sơn ca hót cho người nghe.  + Chim công có bộ lông đuôi sắc màu, múa đẹp tô điểm cho cuộc sống.  + Chim bồ câu biết đưa thư.  + Chim én báo hiệu xuân sang.  + Chim hải âu báo bão, là bạn của người đi biển.  - GV giới thiệu bài học:  - GV đọc mẫu: Giọng đọc hồn nhiên, vui tươi; thể hiện sự niềm nở, mến khách của bờ tre với những người bạn chim từ khắp nơi vui vẻ bay đến làm khách.  - GV mời 1 HS đứng dậy đọc to lời giải nghĩa những từ ngữ khó trong bài:  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trước lớp. HS đọc tiếp nối 3 khổ thơ.  - GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS, hướng dẫn các em đọc đúng các từ ngữ HS địa phương dễ phát âm sai: reo mừng, im lặng, bồ nông.  - GV yêu cầu từng cặp HS luyện đọc tiếp nối 2 đoạn:  + HS1 (Đoạn 1): từ đầu đến “tượng đá”.  + HS2 (Đoạn 2): đoạn còn lại.  - GV yêu cầu HS thi đọc tiếp nối từng đoạn trước lớp (cá nhân, bàn, tổ).  - GV mời 1HS đọc lại toàn bài.  - GV hướng dẫn HS đọc thầm bài thơ, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi.  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  + Câu 1: “Khách” đến bờ tre là những loài chim nào?  + Câu 2: Câu thơ nào cho thấy bờ tre rất vui khi có “khách” đến?  + Câu 3: Bài thơ tả dáng vẻ của mỗi loài chim đến bờ tre khác nhau như thế nào? Ghép đúng:  + Câu 4: Câu thơ nào cho thấy bầy chim cu rất thích bờ tre?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Bài thơ giúp em hiểu điều gì?  - GV nhận xét đưa nội dung bài  - GV mời 2 HS đọc yêu cầu bài tập 1,2:  + Câu 1: Bộ phận in đậm trong những câu sau trả lời cho câu hỏi nào?  a. Chú bói cá đỗ **trên cành tre.**  b. Đàn cò trắng đậu **trên ngọn tre.**  c. **Bên bờ tre,** bác bồ nông đứng im như tượng đá.  + Câu 2: Đặt một câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi Ở đâu?  - GV yêu cầu HS làm bài tập vào VBT, sau đó trả lời câu hỏi.  - GV mời HS trình bày kết quả.  + Câu 1:  a. Chú bói cá đỗ ở đâu?  b. Đàn cò trắng đậu ở đâu?  c. Bác bồ nông đứng im như tượng đá ở đâu?  + Câu 2:  a. Đàn chim cu đỗ trên cành tre.  b. Bác bồ nông đứng bên bờ tre.  c. Chú sóc đỏ sống trong hốc cây.  **\*** HTQC: Đọc thơ truyền điện. Rèn kỹ năng đọc thuộc nhanh câu thơ trong bài đọc.  - GV nêu luật chơi: Lần chơi này sẽ có 4 em tham gia đọc 10 dòng thơ, sau khi đọc xong em gọi bất kì 1 bạn khác đọc, cứ như vậy đến hết bạn thứ 4. Bạn nào đọc to, rõ ràng thuộc 10 dòng thơ đầu sẽ được cô giáo và cả lớp khen.  - GV NX và tuyên dương HS tham gia đọc bài.  - Em biết thêm điều gì qua bài học hôm nay?  - GV NX chung  - GV NX giờ học. | - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS TL: Các loài chim mang đến những lợi ích cho con người là …  - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS đọc phần chú giải từ ngữ:  - HS luyện đọc  - HS đọc  - HS luyện đọc  - HS đọc bài.  - HS thi đọc bài.  - HS đọc bài; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS trả lời câu hỏi  + Câu 1: Khách” đến bờ tre là những loài chim: cò bạch, bồ nông, bói cá, chim cu.  + Câu 2: Câu thơ cho thấy bờ tre rất vui khi có “khách” đến: Tre chợt tưng bừng/Nở đầy hoa trắng.  + Câu 3: a-2, b-1, c-4, d-3.  + Câu 4: Câu thơ cho thấy bầy chim cu rất thích bờ tre: Ồ, tre rất mát.  - HS TL  - HS đọc yêu cầu câu hỏi.  - HS làm bài.  - HS trình bày kết quả:    - HS lắng nghe luật chơi.  - HS tham gia chơi.  - HS đọc lại ND bài tập và đối chiếu KQ  - HS TL |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**Tự nhiên và Xã hội: Tiết 47**

**BÀI 10: CƠ QUAN VẬN ĐỘNG (tiết 2)**

**DẠY HỌC STEM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

-Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan vận động trên sơ đồ, tranh ảnh.

- Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản, ban đầu qua hoạt động hàng ngày của bản thân.

- Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài trong quá trình tạo sản phẩm.

- Sử dụng được các vật liệu có sẵn làm sản phẩm.

-Thực hiện được các bước để tạo ra sản phẩm.

-Làm được các sản phẩm vẽ, cắt, xé dán theo sở thích.

-Thiết kế và sử dụng bàn tay rô bốt để giải thích về chức năng của hệ xương, khớp.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-**Giáo viên:Các phiếu học tập (như ở phụ lục) **,**Bộ thẻ ghi tên các cảm xúc: buồn, vui, lo lắng, giận dữ, sợ hãi,… (số bộ thẻ theo số nhóm HS).

Dụng cụ và vật liệu (dành cho 1 nhóm 2 HS)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/ Học liệu** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Giấy bìa A4 | 1 tờ |  |
| 2 | Băng dính hai mặt hoặc hồ dán | 1 cuộn/1 lọ |  |
| 3 | Ống hút | 2 chiếc |  |
| 4 | Dây len hoặc chỉ | 1 cuộn |  |

-Học sinh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/Dụng cụ** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Thước kẻ | 1 cái |  |
| 2 | Kéo thủ công | 1 cái |  |
| 3 | Hộp bút (lông) màu | 1 hộp |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **1.Khởi động** | **-**GV kiểm tra sự chuần bị đồ dùng của học sinh  -GV nhận xét  -GV nêu nội dung tiết học | -HS chuẩn bị đồ dùng  -HS lắng nghe |
| **2.Khám phá** | **4. Đề xuất ý tưởng và cách làm bàn tay Rô-bốt**  a) Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm bàn tay rô-bốt  – GV chiếu hình ảnh bàn tay rô-bốt và hỏi HS.  – Theo em bàn tay rô bốt có đặc điểm gì?  Gợi ý: bàn tay rô-bốt có đặc điểm:  + Bàn tay thể hiện được hệ xương, khớp.  + Bàn tay chắc chắn cử động được.  – GV nhận xét câu trả lời của HS từ đó đưa ra tiêu chí làm bàn tay rô-bốt. | -HS quan sát  – HS trả lời các câu hỏi  -HS lắng nghe |
|  | b) Lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách bàn tay rô-bốt |  |
|  | – GV: yêu cầu HS thảo luận nhóm để chia sẻ ý tưởng làm bàn tay rô-bốt theo gợi ý:  + Vật liệu để làm bàn tay rô-bốt?  + Các bộ phận để làm bàn tay rô-bốt?  + Màu sắc, hình dáng của bàn tay rô-bốt?  + Cách vận động của bàn tay rô-bốt?  Gợi ý:  + Vật liệu để làm bàn tay: em dùng bìa (giấy màu) ống hút , dây  + Các bộ phận của bàn tay rô bốt: bàn tay, xương, khớp, dây nối.  + Màu sắc, hình dáng của bàn tay rô-bốt có thể là màu xanh, màu da chân, màu tím,…  + Hình dáng, màu sắc của bàn tay ro-bốt có thể màu xanh, màu da chân, màu tím…  Hình dáng của bàn tay có 5 ngón, mỗi ngón có 3 khớp, ngón cái có 2 khớp.  + Cách vận động của bàn tay: Khi kéo dây xuống thì các ngón tay gập xuống, tạo thành bàn tay nắm. | – HS thảo luận nhóm  – HS lựa chọn ý tưởng bàn tay rô-bốt |
|  | – GV nhận xét và lưu ý HS: các em có thể sử dụng ống hút bằng nhựa hoặc bằng giấy để làm ngón tay. Có thể sử dụng bìa hoặc giấy để làm bàn tay. |
|  | – GV tổng kết hoạt động chuyển sang hoạt động tiếp theo. | – HS lắng nghe |
| **3.Thực hành** | **5. Làm bàn tay rô-bốt**  a) Lựa chọn dụng cụ  – GV giao dụng cụ vật liệu cho HS theo nhóm.  b) GV tổ chức cho HS làm bàn tay rô-bốt  – GV yêu cầu HS: Em hãy đọc mục 5 trang 48 và cho biết sách gợi ý: Tạo mô hình bàn tay rô-bốt gồm mấy bước?  Gợi ý: làm bàn tay rô-bốt theo 4 bước  Bước 1: Tạo hình bàn tay.  Bước 2: Làm bộ phận xương khớp.  (lưu ý: nếu có ống hút thì cắt ngắn ống hút để làm phần xương ngón tay, bàn tay)  Bước 3: Dùng dây nối, bộ phận xương khớp.  Bước 4: Hoàn thiện bàn tay rô-bốt. | – Các nhóm nhận dụng cụ vật liệu cho phù hợp với ý tưởng đã chọn.  – HS trả lời. |
|  |
|  | – GV: Các em đã lựa chọn ý tưởng và chuẩn bị nguyên liệu, đồ dùng phù hợp giờ chúng ta thực hiện làm bàn tay rô-bốt theo cách của em, nếu gặp khó khăn hãy xin trợ giúp.  – Trong quá trình HS làm, GV cần gợi ý bằng cách chiếu các câu hỏi lên bảng như sau:  + Bàn tay rô-bốt gồm có những bộ phận nào? (gồm có bàn tay, xương, khớp, dây nối)  + Trong các vật liệu có sẵn các em sẽ dùng vật liệu nào để làm bàn tay rô-bốt? (giấy bìa A4 cắt hình ban tay, sử dụng ống hút cắt ra để làm xương ngón tay.)  + Làm cách nào để bàn tay rô-bốt cử động được? (dùng dây luồn qua các ống hút giúp bàn tay cử động được). | – HS làm bàn tay Rô bốt |
| **4.Vận dụng** | – GV theo dõi việc làm bàn tay rô-bốt của cả lớp và hỗ trợ khi cần thiết.  c) Các em đã làm xong sản phẩm hãy đối chiếu kiểm tra lại theo các tiêu chí để sản phẩm hoàn thiện hơn.  **Hoạt động 6: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm**  a) Trưng bày sản phẩm  – GV tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm.  – GV: mời đại diện các nhóm có sản phẩm ấn tượng lên giới thiệu về sản phẩm.  – GV tổ chức cho HS xem sản phẩm trưng bày của các nhóm.  – GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau khi tham quan.  – GV tổ chức cho các nhóm đánh giá đồng đẳng, trao đổi để xin ý kiến của bạn bè về sản phẩm của mình đã làm.  – GV nhắc HS chưa hoàn thiện sản phẩm hoàn thiện nốt.  + Bàn tay rô-bốt gồm có những bộ phận nào?  – GV khen ngợi nhóm HS tích cực tham gia hoạt động, động viên các nhóm làm chưa tốt để lần sau cố gắng.  – GV nhận xét và tổng kết buổi học. | – HS thực hiện kiểm tra sản phẩm theo các tiêu chí. Nếu chưa đáp ứng cần điều chỉnh.  – HS trưng bày sản phẩm của mình và xem sản phẩm của nhóm bạn.  – Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm.  – Vật liệu được sử dụng  – Các bộ phận của bàn tay rô-bốt  – Cách vận động của bàn tay rô-bốt  – HS chia sẻ cảm nhận  – Các nhóm đánh giá đồng đẳng |
|  |
| -HS lắng nghe  -HSTL  -HS lắng nghe |
|  |
|  |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tự nhiên và Xã hội: Tiết 48**

**BÀI 22: CHĂM SÓC, BẢO VỆ CƠ QUAN VẬN ĐỘNG (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Kể tên được những việc làm giúp chăm sóc, bảo vệ cơ quan vận động.

- Kể tên được những việc làm gây hại cho cơ quan vận động.

- Thực hiện được đi, đứng, ngồi, bê, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài, SGK

- Học sinh: SGK, vở BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU(35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá**  **3.Thựchành**  **4.Vận dụng** | - GV yêu cầu HS kể về một lần bị ngã đáng nhớ của bản thân, cảm thấy như thế nào khi bị ngã và trả lời câu hỏi tiếp theo “Cơ quan nào dễ bị thương nhất khi ngã?”  - Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài  - GV sử dụng hình (từ hình 1 đến hình 4) và trả lời câu hỏi: Em hãy quan sát, kể tên các việc làm cần thiết để chăm sóc và bảo vệ cơ quan vận động.  - Gọi HS trình bày.  - Yêu HS thảo luận, nói tác dụng của mỗi biện pháp trong từng hình đó.  - Gọi HS trình bày.  - GV yêu cầu HS trả lời: Em đã thực hiện được những việc làm nào?  - GV cho HS kể các việc bản thân đã làm và các việc khác ngoài những việc trong hình.  - GV gợi mở để HS kể thêm về các việc làm hay thói quen có thể gây hại cho cơ quan vận động. Ví dụ: ít tập thể dục rèn luyện cơ bắp, ngồi quá lâu,...  \* Thực hiện hoạt động 1  - GV chia nhóm HS (4 HS/ nhóm) để quan sát, đọc tình huống và trả lời câu hỏi: Vì sao tay Minh phải bó bột?  - GV kết luận: Minh đi đá bóng và bị ngã gãy tay. Mẹ Minh đã đưa bạn đi gặp bác sĩ và bạn đã được bác sĩ khám, tìm ra nguyên nhân tay bị gãy xương nên phải bó bột và nghỉ ngơi trong thời gian dài.  \* Thực hành hoạt động 2  - GV đưa ra hệ thống câu hỏi giúp HS biết các tình huống có nguy cơ gây hại cho cơ quan vận động và những điểu cần lưu ý để bảo vệ cơ, xương, khớp khi chơi thể thao.  - GV đưa ra nhận xét giúp HS vận dụng vào cuộc sống.  - GV khuyến khích HS đọc và chia sẻ lời chốt Mặt Trời. | - HS kể về một lần bị ngã và chia sẻ cảm nhận.  - Lắng nghe giới thiệu bài mới.  - HS quan sát từ H 1 - 4 và kể tên các việc làm chăm sóc và bảo vệ cơ thể trong hình vẽ.  - HS trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung.  - HS thảo luận.  - Đại diện các nhóm chia sẻ về tác dụng của những biện pháp: Ví dụ: Chơi cầu lông, ănuống đủ chất giúp cơ, xương, khớp phát triển chắc khoẻ; ngồi học đúng tư thế giúp xương ngay ngắn, tránh bị cong vẹo cột sống; đi xe đạp có đồ bảo vệ giúp tránh các chấn thương ở cơ quan vận động).  - HS nêu những việc đã thực hiện.  - HS kể những việc bản thân đã làm.  - HS kể thêm về những việc làm hay thói quan có thể gây hại có cơ quan vận động.  - Đọc tình huống và tìm cách xử lí.  - Đại diện các nhóm đưa ra cách xử lí tình huống.  - HS vận dụng vào thực tế và chơi thể thao.  - Lắng nghe.  - HS đọc lời chốt Mặt Trời |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Toán(ôn)**

**ÔN TẬP TUẦN 23 (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận dạng được khối trụ, khối cầu.

- Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bài giảng powerpoint, bảng phụ.

**2. Học sinh:** Vở ô ly,VBT phát triển năng lực, vở nháp, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động** | - Phát video bài thơ khởi động đặt vấn đề:    - GV giới thiệu bài. | - HS theo dõi  - HS lắng nghe. |
| **2 Luyện tập**  **thực hành** | **Bài 1 (20):**  **a. Khoanh vào chữ đặt trước khối trụ:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu.  - Mời HS đọc mẫu  - Giáo viên hướng dẫn  - Mời HS làm bài cá nhân  - Mời HS lên chỉ khối trụ trên màn hình.    - GV nhận xét, chữa bài  **b. Khoanh vào chữ đặt trước khối cầu:**  - Mời HS lên chỉ khối trụ trên màn hình.  - HS nhận xét  - GV nhận xét bài HS và khen ngợi.    c.**Tổ chức cho HS đổi vở chữa bài**  **Bài 2 (20)**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài 2a, 2b.   1. **Nối (theo mẫu)**   - Cho HS làm bài cá nhân  - Tổ chức cho HS thi làm bài theo nhóm  - Nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả đúng.     1. **Đổi vở, chữa bài cho nhau.**   - Mời HS đổi vở từng cặp chữa bài.  - Gọi HS nhận xét bài bạn  - Nhận xét, tuyên dương  **Bài 3 (21 )**  **a. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**  Trong dãy hình dưới đây:    **b.Thống nhất kết quả:**  - GV nhận xét và chốt kết quả đúng.  **Bài 4 (21)**  **a. Số ?**    **-** Yêu cầu hs làm vào vở  **b.Tổ chức cho HS đổi vở, chữa bài cho nhau** | - HS đọc yêu cầu bài.  - Đọc mẫu  - HS làm BT cá nhân  - HS lên chỉ (ý A)  - HS lắng nghe.  .  - Lắng nghe  - HS kiểm tra chéo vở, đưa ra ý kiến  - Các nhóm thi  - Đổi vởi kiểm tra bài  - HS nhận xét bài bạn  - HS đọc  - HS trả lời:  - HS đọc bài làm  - Lắng nghe  - HS nêu  - HS trả lời  - HS làm bài  - HS đổi vở, chữa bài cho nhau  -Lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | - Trò chơi: “Đuổi hình bắt chữ”: GV cho xem các video hình khối, đố học sinh nói đúng.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS theo dõi và tham gia trò chơi.  -Lắng nghe |
|  | - Bài học hôm nay em học điều gì?  - Để làm tốt bài tập em muốn nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS ôn lại bài. | - HS trả lời.  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**Ngày giảng: Thứ Ba ngày 4 tháng 3 năm 2025**

**Toán: Tiết 117**

**GIỜ - PHÚT (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nhận biết được 1 giờ có 60 phút.

- Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.

- Cảm nhận được mối liên hệ chặt chẽ giữa thời gian và cuộc sống, hình thành thói quen quý trọng thời gian.

-Thực hành làm các bài tập

- Phát triển năng lực toán học.

- Chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Bảng phụ, SGK…

- Học sinh: SGK, vở…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động**  **2.Thựchành**  **Bài 3**  **3.Vận dụng**  **Bài 4** | - GV yêu cầu HS quan sát đồng hồ và nêu giờ tương ứng.  - Nhận xét. Dẫn vào bài mới.  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV yêu cầu học sinh thực hiện các thao tác sau:  + Xem tranh, đọc các câu ghi giải thích bức tranh rồi chọn đồng hồ thích hợp.  + Nói cho bạn nghe kết quả.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi theo cặp.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin trong SGK và nói cho bạn nghe về giờ mở cửa, đóng cửa của các địa điểm trong bức tranh.  - GV đặt thêm các câu hỏi để HS liên hệ với hoạt động thực tiễn, chẳng hạn: Nếu Hà đến bể bơi trẻ em lúc 16:00 thì em có nhận xét gì?  - GV cho học sinh chia sẻ cho bạn nghe những thông tin về giờ đóng cửa, mở cửa của những địa điểm trong thực tế cuộc sống.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Hỏi: Bài học hôm nay, các em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Để xem đồng hồ chính xác, em nhắn bạn điều gì?  - GV nhấn mạnh kiến thức tiết học  - GV đánh giá, động viên, khích lệ HS.  - Dặn HS xem đồng hồ. | - HS nêu.  - Lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - Học sinh thực hiện.  - Học sinh nói kết quả cho bạn nghe:  a) Nam và các bạn đến hồ Hoàn Kiếm lúc 8 giờ 15 phút  b) Nam và các bạn đến chùa Một Cột lúc 9 giờ 30 phút.  c) Nam và các bạn đến Văn Miếu lúc 14 giờ 30 phút hay 2 giờ 30 phút chiều  d) Nam và các bạn lên xe ra về lúc 16 giờ 15 phút hay 4 giờ 15 phút chiều.  - HS đọc yêu cầu.  - Học sinh đọc thông tin và chia sẻ với bạn.  - Học sinh trả lời.  - Học sinh chia sẻ thông tin.  - HS nêu ý kiến.  - HS trả lời.  - Học sinh lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt: Tiết 233**

**NGHE VIẾT: CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nghe – viết chính xác bài Chim rừng Tây Nguyên (Từ “Chim đại bàng” đến “hòa âm”. Qua bài chính tả, củng cố kĩ năng trình bày đoạn văn.

- Làm đúng bài tập: Điền chữ c hay k, ng hay ngh; Bài tập lựa chọn: Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng s; có vần uc hay ut.

**-** Biết cùng các bạn thảo luận nhóm; hợp tác tìm hiểu bài.

- Có ý thức thẩm mĩ khi trình bày văn bản.

**-** Rèn luyện tính kiên trì, cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: kế hoạch bài dạy, máy tính, máy chiếu.

- Học sinh:SGK, VBT, vở ghi

**III. Các hoạt động dạy - học CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động** | -GV cho HS khởi động  - GV giới thiệu bài học:Trong bài học ngày hôm nay, các em sẽ Nghe – viết chính xác bài Chim rừng Tây Nguyên (Từ “Chim đại bàng” đến “hòa âm”; Làm đúng bài tập; Biết viết chữ U, Ư cỡ vừa và nhỏ. Viết đúng câu ứng dụng Uống nước nhớ nguồn cỡ nhỏ. Chúng ta cùng vào bài. | -HS khởi động  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **2.Khám phá** | **\* Nghe – viết**  **-** GV nêu yêu cầu: HS nghe GV đọc lại bài Chim rừng Tây Nguyên (từ “Chim đại bàng” đến “hòa âm”).  - GV đọc đoạn viết chính tả.  - GV mời 1 HS đọc lại đoạn viết chính tả.  - GV yêu cầu HS trả lời: Đoạn trích nói về nội dung gì?  - GV nhắc HS đọc thầm lại đoạn trích, chú ý những từ ngữ mình dễ viết sai: chao lượn, che rợp, vi vút, nền trời, hòa âm,…  - HS gấp SGK, nghe GV đọc từng dòng thơ, viết vào vở Luyện viết 2.  - GV đọc lại bài chính tả cho HS soát lỗi.  - GV yêu cầu HS tự chữa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì).  - GV đánh giá, chữa 5-7 bài. Nêu nhận xét. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS đọc bài; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS trả lời: Đoạn trích ca ngợi vè đẹp của chim đại bàng Tây Nguyên.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS viết bài.  - HS soát bài.  - HS chữa lỗi. |
| **3.Luyện tập, thực hành**  **4.Vận dụng** | **Bài tập 2**  Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_13.png- GV nêu yêu cầu bài tập: Tìm chữ phù hợp với ô trống: c hay k, ng hay ngh.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở Luyện viết 2.  - GV mời HS trình bày kết quả.  - GV giải thích thêm cho HS: Đây là môt đoạn văn ngắn của nhà văn Tô Hoài miêu tả rất hay về loài chim gáy (còn gọi là chim cu cườm). Chim gáy là loài chim của đồng quê ngày mùa, vì nó thường xuất hiện vào ngày mùa.  - GV mời 1 HS đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh.  -Hôm nay em viết bài gì?  -Nhắc lại quy tắc chính tả c/ k?  -Nhận xét tiết học  -Chuẩn bị bài bài sau | - HS lắng nghe.  - HS làm bài.  - HS trả lời: kéo, trầm ngâm, ngơ ngác, nghe, cổ, cườm.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc bài; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  -HSTL  -HSTL  -HS nhận xét |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt: Tiết 234**

**CHỮ HOA: U, Ư**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Biết viết chữ U, Ư cỡ vừa và nhỏ.

-Viết đúng câu ứng dụng Uống nước nhớ nguồn cỡ nhỏ, chữ viết đúng mẫu, đều nét, nối chữ đúng quy định.

- Rèn luyện tính kiên nhẫn, cẩn thận.

**II.ĐỒ DÙNG**

- Giáo viên:SGK, chữ mẫu

**-** Học sinh:Vở Luyện viết 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌCCHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động** | - GV giới thiệu bài học: Trong bài học ngày hôm nay, các em sẽ Nghe – viết chính xác bài Chim rừng Tây Nguyên (Từ “Chim đại bàng” đến “hòa âm”; Làm đúng bài tập; Biết viết chữ U, Ư cỡ vừa và nhỏ. Viết đúng câu ứng dụng Uống nước nhớ nguồn cỡ nhỏ. Chúng ta cùng vào bài. | - HS lắng nghe |
| **2.Thựchành**  **luyện tập**  **Tập viết chữ hoa U, Ư** | \* Chữ U:  - GV chỉ chữ mẫu, hỏi HS: Chữ U hoa cao mấy li, có mấy ĐKN? Được viết bởi mấy nét?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_14.png  - GV chỉ chữ, miêu tả:  + Nét 1: Nét móc hai đầu (trái – phải).  + Nét 2: Nét móc ngược phải.  - GV chỉ dẫn cho HS và viết mẫu chữ U hoa cỡ vừa (5 li) trên bảng lớp:  + Nét 1: Đặt bút trên ĐK5, viết nét móc 2 đầu (đầu móc bên trái cuộn vào trong, đầu móc bên phải hướng ra ngoài); dừng bút giữa ĐK 2 và ĐK 3.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút nét 1, rê bút thẳng lên ĐK 6 rồi chuyển hướng bút ngược lại để viết nét móc ngược phải từ trên xuống dưới; dừng bút ở ĐK 2.  - GV yêu cầu HS viết chữ U hoa trong vở Luyện viết 2.  \* Chữ Ư:  - GV chỉ chữ mẫu, hỏi HS: Chữ Ư hoa cao mấy li, có mấy ĐKN? Được viết bởi mấy nét?  - GV chỉ chữ, miêu tả: Chữ Ư hoa có cấu tạo như chữ U (nét 1, 2), thêm một dấu râu (nét 3) trên đầu nét 2.  - GV chỉ dẫn cho HS và viết mẫu chữ Ư hoa cỡ vừa (5 li) trên bảng lớp: Viết như chữ U (nét 1, 2). Sau đó, từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên ĐK 6 (gần đầu nét 2), viết một dấu râu nhỏ; dừng bút khi chạm vào nét 2.  - GV yêu cầu HS viết chữ Ư hoa trong vở Luyện viết 2.  - GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: Uống nước nhớ nguồn.  - GV giải thích cho HS ý nghĩa của câu Uống nước nhớ nguồn:  + “Uống nước” là hành động nhận lấy, hưởng thụ những thành quả, hiện vật do người khác tạo nên.  + “Nhớ nguồn” chính là suy nghĩ, hành động luôn nhớ đến, ghi nhớ và biết ơn những người, những tập thể đã tạo ra thành quả cho chúng ta sử dụng.  - GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:  + Độ cao của các chữ cái: Chữ U hoa (cỡ nhỏ) và các chữ g, h cao 2,5 li. Những chữ còn lại (ô, n, ư, ơ, c, ô, u) cao 1 li.  + Cách đặt dấu thanh: Dấu sắc đặt trên ô, dấu sách đặt trên ơ.  - GV yêu cầu HS viết câu ứng dụng vào vở Luyện viết 2.  - GV nhận xét, đánh giá nhanh 5-7 bài. | - HS trả lời: Chữ U hoa cao 5 li, có 6 ĐKN. Được viết bởi 2 nét.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS viết bài.  - HS trả lời: Chữ Ư hoa cao 5 li, có 6 ĐKN. Được viết bởi 3 nét.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS viết bài.  - HS đọc.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  Uống nước nhớ nguồn  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS viết bài. |
| **3.Vận dụng** | - Bài học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì?  - Về nhà hoàn thành bài trên lớp(nếu chưa xong), viết phần bài ở nhà. | -HSTL  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 71**

**BÀI 24: PHÒNG TRÁNH BỊ BẮT CÓC (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, học sinh:

- HS biết được những ai là người lạ xung quanh mình. Lưu ý không đi cùng người lạ và nói từ chối lịch sự.HS nhận diện được nguy cơ bắt cóc, cảnh giác với người lạ đề phòng bị bắt cóc.

- HS có khả năng quan sát, lắng nghe để nhận biết đâu là người lạ, người quen, người thân.

- HS biết cách bày tỏ thái độ, cách ứng xử phù hợp với mọi người xung quanh.

**\*Lồng ghép quốc phòng an ninh:** Giáo dục học sinh một số kinh nghiệm khi mắc lừa kẻ xấu, đề phòng bị lạc

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Lều cắm trại hoặc mảnh vải, tấm chăn tối màu (1,5m x 2m) ; bìa màu các loại đánh số; bìa tam giác hoặc chuông thật đủ cho mỗi tổ / nhóm. Bìa màu A4;

- Học sinh: Sách giáo khoa; thẻ chữ: người thân, người quen.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU(35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động**  **2.Khám phá chủ đề:**  **3. Mở rộng và tổng kết chủ đề:**  **4. Cam kết, hành động** | - Trò chơi người lạ - người quen.  - GV mời mỗi tổ một thành viên đóng vai “vị khách bí mật” được chui vào tấm lều du lịch đã dựng sẵn hoặc căng tấm vải dài sao cho che được hết đại diện mỗi tổ.  - GV hướng dẫn HS đưa ra câu hỏi cho những “vị khách bí mật” và lắng nghe câu trả lời để tìm ra đâu là “người quen” và đâu là “người lạ”.  - GV nhận xét và tuyên dương các tổ.  - GV dẫn dắt, vào bài.  Xử lí tình huống có nguy cơ bị bắt cóc.  - GV chia cho mỗi nhóm bìa tam giác hoặc chuông.  - Mời các nhóm đọc tình huống rồi thảo luận và xác định xem tình huống nào cần phải rung chuông hay không rung chuông báo động.  - Mời HS tham gia sắm vai giải quyết tình huống.  - GV quan sát và hỗ trợ các nhóm khi gặp khó khăn.  - GV nhận xét và khen các nhóm.  - GV đưa ra thêm một số tình huống khác cho HS, trò chuyện với HS lí do vì sao lại chọn rung chuông? Có điều gì có thể xảy ra nếu không biết tự “Rung chuông báo động”?  - GV đọc và mời HS đọc thuộc cùng mình.  Người quen dù tốt bụng,  Vẫn không phải người thân!  Người lạ nhìn và gọi,  Rung chuông đừng phân vân!  - GV kết luận.  - Thảo luận về cách phân biệt người quen, người thân.  - GV cùng HS thảo luận về đặc điểm của một số người thân.  - GV hỗ trợ giúp đỡ HS gặp khó khăn.  - GV nhận xét phần chia sẻ.  - Để nhận ra NGƯỜI THÂN (thẻ chữ) rất dễ nếu biết chịu khó quan sát, lắng nghe và tìm ra những điều đặc biệt của họ. - GV đưa ra tình huống để cùng HS thảo luận:  + Khi em ở nhà một mình, báchàng xóm rất thân muốn vàochơi, em có nên mở cửa không?  + Tháng nào cô cũng đến và bố mẹ luôn nhờ em ra gửi tiền điện cho cô, cô gọi cửa em có mở cửa không? Tại sao?  + Hôm nay bố mẹ đón muộn, cô bạn của mẹ muốn đưa em về, em có đi cùng cô ấy không? Vì sao?  - GV nhận xét.  - GV phát cho mỗi HS một tờ bìa màu A4, đề nghị HS đặt bàn tay mình lên tờ bìa và vẽ viền bàn tay ấy. Sau đó, HS cắt bàn tay đã vẽ ra và ghi lên mỗi ngón tay tên của một người thân nhất sẽ trợ giúp khi em cần.  - Em sẽ nói gì để từ chối đi với người lạ?  - Về nhà HS cùng thảo luận với bố mẹ và nghĩ ra một câu nói độc đáo làm mật khẩu để cả nhà luôn nhận ra nhau. | - HS quan sát, thực hiện theo HD.  + Mỗi đại diện sẽ được cầm một tấm bìa màu khác nhau  hoặc đánh số không trùng với số tổ của mình. Các thành viên còn lại của tổ có 2 phút để thảo luận và cử một người đưa ra lần lượt  - HS thảo luận và có thể đưa  ra một số câu hỏi.  + “Bạn thích màu gì?”  + “Hôm qua, tổ chức mình cùng làm việc gì?”  + “Tên nhân vật hoạt hình bạn thích nhất?”  + “Đồ chơi bạn yêu quý là gì?”…  - HS tham gia chơi.  - Các nhóm nhận đồ dùng.  - Nhóm HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS hoạt động nhóm phân vai và tìm cách giải quyết tình huống. Lần lượt các nhóm lên trình bày trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ rút ra được bài học sau mỗi tình huống.  - Bị bắt cóc, bị đưa đi xa không gặp bố mẹ, không được về nhà…  - HS lắng nghe  - HS thực hiện đọc nối tiếp.  - HS thảo luận nhóm 4 đưa ra một số đặc điểm như:  + Ông (bà) nội / ông (bà) ngoại của em có vẻ ngoài thế nào? (cao hay thấp, màu của mái tóc, quần áo bà hay mặc,…).  + Giọng nói của bác / chú / dì có điều gì đặc biệt? (hắng giọng trước khi nói, giọng trầm hay giọng cao, …).  - HS chia sẻ trước lớp  - HS sử dụng thẻ chữ người thân, người quen để tham gia trả lời các tình huống và chia sẻ với bạn cùng bàn.  - HS xung phong chia sẻ trước lớp và nói vì sao mình chọn tấm thẻ đó.  - 3 bàn HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS lấy giấy và làm theo hướng dẫn.  - HS trả lời.  - HS thực hiện. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Ngày soạn: 3/ 3/ 2025**

**Ngày giảng: Thứ Tư ngày 5 tháng 3 năm 2025**

**Toán: Tiết 118**

**BÀI 5: LỊCH ĐỂ BÀN TIỆN ÍCH( Tiết 1)**

**DẠY HỌC STEM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

– Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng.

– Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản, có sẵn để tạo ra sản phẩm lịch để bàn tiện ích.

– Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường.

– Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm, chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

– Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II. ĐỒ DÙNG**

-Giáo viên: Các phiếu học tập (như ở phụ lục) **,** Dụng cụ và vật liệu (dành cho 1 nhóm 2 học sinh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị/ Học liệu | Số lượng | Hình ảnh minh hoạ |
| 1 | Giấy bìa các-tông hoặc hộp giấy tái chế | 1 hộp |  |
| 2 | Bút chì | 1 cái |  |
| 3 | Bút màu | 1 hộp |  |
| 4 | Kéo thủ công | 1 cái |  |

-Học sinh (dành cho 1 nhóm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị/Dụng cụ | Số lượng | Hình ảnh minh hoạ |
| 1 | Thước kẻ | 1 cái |  |
| 2 | Bút chì | 1 cái |  |
| 3 | Kéo thủ công | 1 cái |  |
| 4 | Bút màu | 1 hộp |  |
| 5 | Giấy trắng | 2 – 3 tờ |  |
| 6 | Tranh ảnh về di tích lịch sử – văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên | 3 – 5 tranh ảnh |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động** | **Chơi trò chơi “Kéo co”**  – GV giới thiệu luật chơi:  GV mời 2 đội chơi. GV nêu câu hỏi, đội nào trả lời đúng thì đội đó chiến thắng.  -Một tuần có mấy ngày?  (1 tuần có 6 ngày)  – Một ngày có bao nhiêu giờ?  (Một ngày có 24 giờ)  – Một năm có bao nhiêu tháng?  (Một năm có 12 tháng)  – Tháng 4 có bao nhiêu ngày?  (Tháng 4 có 30 ngày)  – GV tổng kết trò chơi tuyên dương đội chiến thắng. | – HS theo dõi.  – Hai đội giành quyền trả lời:  – HS trả lời.  – HS trả lời.  – HS trả lời.  – HS trả lời. |
|  | **1. Thảo luận**  – GV nêu vấn đề: Hai bạn An và Bình muốn lưu lại ngày sinh nhật của các bạn trong lớp và những ngày lễ trong năm, em hãy nghĩ cách giúp hai bạn làm lịch để bàn nhé.  – GV nêu nhiệm vụ: Trong bài học này, chúng ta cùng nhau làm sản phẩm Lịch để bàn tiện ích để giúp ta đánh dấu những ngày đặc biệt và dễ dàng theo dõi được các ngày trong tháng nhé!  Sản phẩm đảm bảo các yêu cầu sau:  + Ghi rõ tên tháng và thể hiện đúng số ngày trong tháng.  + Trang trí sáng tạo, đảm bảo tính thẩm mĩ, sử dụng được nhiều lần. |  |
| – HS phát biểu ý kiến theo suy nghĩ. |
| – HS theo dõi. |
| **2.Khám phá** | **Hoạt động 2: Chọn các tháng tương ứng với số ngày**  – GV đặt vấn đề: mỗi tháng có số ngày nhất định,  em hãy cho biết số ngày trong mỗi tháng.  Các em cùng nhau thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập số 1. | – HS trao đổi nhóm đôi, hoàn thành phiếu học tập số 1. |
|  | – GV mời đại diện một vài cặp đôi trình bày phiếu học tập số 1.  (Gợi ý:  Tháng 1 có 31 ngày  Tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày  Tháng 3 có 31 ngày  Tháng 4: 30 ngày  Tháng 5: 31 ngày  Tháng 6: 30 ngày  Thang 7: 31 ngày  Tháng 8: 31 ngày  Tháng 9: 30 ngày  Tháng 10: 31 ngày  Tháng 11: 30 ngày  Tháng 12: 31 ngày) | – Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả hoạt động.  HS lựa chọn tháng nối với số ngày. |
|  | – GV mời HS nhận xét câu trả lời của bạn. | – HS nhận xét. |
|  | – GV hỏi thêm HS: Em hãy quan sát tờ lịch sau và cho biết: (GV chiếu tờ lịch tháng 12 năm 2023) |  |
|  | – Tháng 12 có bao nhiêu ngày?  (Tháng 12 có 31 ngày) | – HS trả lời. |
|  | – Ngày đầu tiên của tháng là thứ mấy?  (Ngày đầu tiên của tháng là thứ Sáu.) | – HS trả lời. |
|  | – Ngày thứ Hai đầu tiên của tháng là ngày nào?  (Ngày thứ Hai đầu tiên của tháng là ngày mùng 4.) | – HS trả lời. |
|  | – GV nhận xét và tổng kết hoạt động. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.Thựchành** | **Hoạt động 3: Đề xuất ý tưởng và cách làm lịch để bàn tiện ích**  ***a) Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm lịch để bàn tiện ích*** |  |
|  | – GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 – 6 HS. | – HS lập nhóm theo yêu cầu. |
|  | – GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ về ý tưởng làm lịch để bàn tiện ích theo các tiêu chí:  + Ghi rõ tên tháng và thể hiện đúng số ngày trong tháng.  + Trang trí sáng tạo, đảm bảo tính thẩm mĩ, sử dụng được nhiều lần. | – HS thảo luận nhóm. |
|  | – GV mời đại diện 1 – 2 nhóm chia sẻ ý tưởng.  – GV có thể đặt các câu hỏi gợi ý:  + Nhóm làm lịch để bàn bằng chất liệu gì?  + Có đế để bàn hay không?  + Ý tưởng trang trí lịch như thế nào?  + Nhóm làm mấy tờ?  + Làm lịch tháng nào? Có bao nhiêu ngày?  + Trên tờ lịch kẻ bao nhiêu dòng, bao nhiêu cột?  (Ví dụ: + Làm lịch bằng giấy A4, giấy bìa các-tông để làm đế.  + Vẽ và tô màu để trang trí.  + Làm 2 tờ lịch, một tờ tháng 6 có 30 ngày và một tờ tháng 7 có 31 ngày,…) | – Đại diện nhóm chia sẻ ý tưởng. |
|  | – GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý để nhóm hoàn thiện ý tưởng. | – Nhóm khác nhận xét, góp ý. |
|  | ***b) Lựa chọn ý tưởng và đề xuất giải pháp làm lịch để bàn tiện ích*** |  |
|  | – GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách làm (cấu tạo của tờ lịch để bàn, tờ lịch tháng mấy, có đế hay không, trang trí thế nào,…) | – HS thảo luận nhóm lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách làm. |
|  | – GV giao phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS hoàn thiện. | – HS hoàn thiện phiếu học tập số 2. |
|  | – GV mời HS nhận xét, góp ý. | – HS nhận xét, góp ý. |
| **4. Vận dụng** | -Nhắc lại nội dung tiết học  -Nhận xét tiết học  -Chuẩn bị bài sau | -HSTL  -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt: Tiết 237:**

# **NÓI VÀ NGHE: NGHE – KỂ “CON QUẠ THÔNG MINH”**

**IYÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết nói lời từ chối và đáp lại lời từ chối lịch sự, phù hợp với tình huống giao tiếp.

- Nghe – kể mẩu chuyện “Con quạ thông minh”. Dựa vào trạn và các câu hỏi gợi ý, HS kể lại được mẩu chuyện to, rõ, trôi chảy. Hiểu nội dung chuyện: Chim quạ có trí thông minh đáng ngạc nhiên.

- Nghe bạn kể chuyện, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

- Nghe, ghi nhớ mẩu chuyện. Kể lại được mẩu chuyện sinh động, biểu cảm.

- Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, bài powerpoint,…

**2. Học sinh:** SGK, vở…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU** (35’)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động  2. Khám phá  Bài 1  Bài 2 | - GV giới thiệu bài học: Trong tiết học hôm nay, các em sẽ luyện tập nói và đáp lại lời từ chối sao cho lịch sự. Các em sẽ cùng nghe GV kể mẩu chuyện Con quạ thông minh, ghi nhớ và kể lại được mẩu chuyện.  \* Nói và đáp lời từ chối  - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - GV giải thích:  a. Bông cúc thấy sơn ca đói khát, tha thiết nói “Bạn hãy ăn tôi đi”. Chim sơn ca sẽ trả lời (từ chối) thế nào? Bông cúc đáp lại lời từ chối đó thế nào?  b. Có mấy bạn rủ em leo trèo lên cây bắt chim non trong tổ chim. Em từ chối thế nào? Các bạn đáp lại thế nào?  - GV yêu cầu từng cặp HS luyện tập đóng vai: Nói lời mười rủ; Nói lời từ chối; Đáp lời từ chối.  - GV mời đại diện một số cặp trình bày kết quả thảo luận.  - GV khen ngợi những HS biết nói lời từ chối và đáp lại lời từ chối.  \* Nghe và kể lại mẩu chuyện Con quạ thông minh.  Giới thiệu mẩu chuyện:  - GV gắn lên bảng tranh minh họa truyện cỡ to.  - GV yêu cầu HS quan tranh minh họa và nói về bức tranh.  - GV giới thiệu câu chuyện: Vì sao câu chuyện có tên là Con quạ thông minh? Con quạ thông minh như thế nào? Các em hãy cùng lắng nghe câu chuyện?  \* Nghe kể chuyện:  - GV chiếu video hoặc tự kể chuyện (3 lần): giọng kể chậm rãi, rõ ràng.  - GV kể lần 1 liền mạch, rồi dừng lại, mời 1 HS đọc lại 4 câu hỏi.  - GV kể lần 2, vừa kể vừa chỉ vào 4 câu hỏi.  - GV kể lại lần 3.  Con quạ thông minh  1. Có một con quạ khát nước. Nó bay rất lâu để tìm nước uống nhưng nó chẳng nhìn thấy ở đâu có một giọt nước nào.  2. Mệt quá, nó đậu xuống một tảng đá. Bỗng nó nhìn thấy một cái lọ ở ngay bên cạnh tảng đá.  3. Quạ mừng quá, sà xuống bên cái lọ, ngó cổ nhìn vào. Dưới đáy lọ có ít nước, nhưng cổ lọ lại quá cao, quạ không làm sao thò mỏ vào uống được.  4. Con quạ thông minh bèn nghĩ ra một kế. Nó lấy mỏ, gắp từng hòn sỏi dưới đất, bỏ vào lọ. Sỏi bỏ vào đến đâu, nước dần dần dâng lên đến đấy. Thế là quạ tha hồ uống những giọt nước mát lành.  (Ngụ ngôn Ê-dốp)  \* Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:  - GV nêu từng câu hỏi cho HS trả lời  a. Con quạ khát nước đi tìm nước vất vả như thế nào?  b. Quạ đã tìm thấy nước ở đâu?  c. Vì sao quạ không thể uống được nước ở đó?  d. Quạ đã nghĩ ra kế gì để uống được nước?  \* Kể chuyện trong nhóm đôi:  - GV yêu cầu từng HS quan sát tranh minh họa và 4 câu hỏi gợi ý để kể lại mẩu chuyện trên.  - GV khuyến khích HS kể sinh động, biểu cảm, kết hợp kể với cử chỉ, động tác.  \* Kể chuyện trước lớp:  - GV yêu cầu HS tiếp nối nhau dựa vào 4 câu hỏi gợi ý, thi kể lại mẩu chuyện.  - GV khuyến khích cả lớp vỗ tay sau lời kể của mỗi bạn.  - GV khen ngợi những HS kể chuyện to, rõ ràng, kể trôi chảy, đúng nội dung, biểu cảm.  - GV mở rộng kiến thức cho HS: Loài quạ không phải loài chim có màu sắc đẹp nhưng là một trong những loài chim thông minh nhất. Theo sách Mười vạn câu hỏi vì sao, bộ não của quạ được xem là khá phát triển, đến mức quạ có khả năng chế tạo công cụ. Nó có thể làm cong một nhánh cây và dùng nhánh cây đó moi côn trùng từ trong thân cây ra.  - Hôm nay các em đã học được những gì?  - Nhận xét, đánh giá giờ học.  - Dặn HS chuẩn bị tốt cho giờ học sau. | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - 1 HS đọc.  - HS luyện tập đóng vai theo nhóm.  - HS trình bày:  a.  - HS1 (Bông cúc trắng): Sơn ca ơi, bạn mệt lắm rồi. Ở đây không có nước uống. Bạn hãy ăn tôi đi cho đỡ khát.  - HS2 (Sơn ca): Không đâu! Làm sao tôi có thể ăn người bạn của mình được.  - HS1 (Bông cúc trắng): Bạn đừng ngại, tôi đã bị cắt rễ, đằng nào tôi cũng héo mà.  b.  - HS1: Nam ơi, trên cây xoài kia có một tổ chim. Chúng hót líu lo hay lắm. Chúng mình trèo lên cây bắt mấy con chim về nuôi đi.  - HS2: Không được đâu. Chim non đang sống vui vẻ bên bố mẹ, cậu bắt chúng thì chúng sẽ chết đấy. Chim bố chim mẹ thấy chim con bị bắt cũng sẽ rất buồn. Chúng ta phải bảo vệ các loài chim chứ.  - HS1: Mình sẽ nghe theo cậu.  - HS đọc yêu cầu.  - HS trả lời: Bức tranh vẽ một con quạ đang đứng trên một tảng đá giữa một bãi đất trống. Trước mặt nó là một bình nước gần đầy, có rất nhiều hòn sỏi trong đó.  - HS lắng nghe câu chuyện, chú ý vào 4 câu hỏi trong SGK kết hợp quan sát tranh minh họa.    - HS trả lời câu hỏi:  a. Con quạ khát nước đi tìm nước vất vả: Quạ bay rất lâu để tìm nước uống nhưng chẳng thấy một giọt nước nào. Mệt quá, nó đậu xuống một tảng đá để nghỉ.  b. Quạ đã tìm thấy nước trong một cái lọ ở ngay bên tảng đá.  c. Quạ không thể uống được nước ớ đó vì dưới đáy lọ có ít nước, cổ lọ lại cao, quạ không sao thò mỏ vào uống được.  d. Quạ đã nghĩ ra kế để uống được nước không: Nó lây mỏ gắp từng hòn sói dưới đất bỏ vào lọ sỏi, nước dần dâng lên.  - HS luyện kể trong nhóm.  - HS kể chuyện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nêu  - Lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Toán (ôn)**

**ÔN TẬP TUẦN 23 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nhận dạng được khối trụ, khối cầu.

- Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Bài giảng powerpoint, bảng phụ.

- Học sinh: Vở ô ly,VBT phát triển năng lực, vở nháp, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1Khởi động** | - Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Xì điện”: Cô giáo làm quản trò -> em học sinh nào thì em đó sẽ đứng lên chỉ vào hình nào, mời bạn khác nói tên hình đó.  - Giới thiệu vào bài. | - HS chơi trò chơi |
| **2.Luyệntập,**  **thực hành** | **Bài 5: Số?**  - Gọi HS đọc đề bài  - GV hướng dẫn cách học sinh đếm hình khối.    - Gọi HS nhận xét.  - Nhận xét.  **Bài 6 (22): Nối (theo mẫu)**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài vào VBT  - 4 HS làm bảng phụ  - Gọi HS chữa bài  - Gọi HS nêu cách thực hiện  - Nhận xét.  => Chốt đáp án đúng.    **Bài 7 (23 ) Vẽ thêm kim đồng hồ và viết số trên mặt đồng hồ điện tử để hai đồng hồ đều chỉ đúng thời gian đã ghi:**  - Gọi HS đọc yêu cầu đầu bài  - Học sinh quan sát tranh rồi đọc trên mỗi đồng hồ khi kim dài (kim phút)  **a. 7 giờ sáng**  - Khi đồng hồ chỉ 7 giờ sáng thì kim giờ (là kim màu xanh) ngắn hơn kim phút, kim phút (là kim màu đỏ) là kim dài chỉ số 12.  - Mời HS trả lời câu hỏi:  **b.** **4:00 chiều**  - Từ 1 giờ chiều có được gọi là 1h khống? hay chúng ta gọi là:  - Nhận xét  - Chúng ta hãy cùng đếm xem, vậy 4 giờ chiều được gọi là bao nhiêu giờ?  - Kim ngắn chỉ số mấy? kim dài chỉ số mấy?  => Chốt đáp án đúng    16h000  7h00  **Bài 8 (23)**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  a. Nhà em có …. Đồ vật dạng khối trụ. Đó là?  - HS nêu những đồ vật?  - GVNX, Tuyên Dương.  b. Nhà em có …. Đồ vật dạng khối cầu. Đó là?  - HS nêu những đồ vật?  - GVNX, Tuyên Dương.  - *(Có thể tổ chức chơi trò chơi, theo 2 tổ viết lên bảng.)* “Ai nhanh – Ai đúng” | - HS đọc.  - Lắng nghe  - HS trả lời  *- 2 khối trụ*  *- 2 khối cầu*  *- 2 khối lập phương*  *- 1 hình chữ nhật*  - Nhận xét  - Lắng nghe  - HS đọc  - HS làm bài vào VBT  - HS nêu  - HS nêu cách làm  - HS lắng nghe  -HS đọc  - HS trả lời:  - HS làm bài  - HS Học sinh lên đưa kim theo đúng  - Lắng nghe  -HS đọc 13 giờ ạ.  - HS trả lời:  - HS nêu (8 -> 10 em)  - HS nêu (8 -> 10 em) |
| **3.Vận dụng** | - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Mời HS trả lời  - Gọi HS nhận xét    - Nhận xét, chốt đáp án  - Tuyên dương | - 1 HS đọc – lớp đọc thầm  - Đại diện nhóm nhóm trình bày cách làm và giải thích  - HS nhận xét |
|  | **\* Củng cố:**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài.  - Nhận xét giờ học.  **\* Dặn dò:**  - Nhận xét giờ học | - HS nêu  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Toán (ôn)**

**ÔN TẬP TUẦN 23 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Nhận dạng được khối trụ, khối cầu.

- Đọc được giờ đúng trên đồng hồ.

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Bài giảng powerpoint, bảng phụ.

- Học sinh: Vở ô ly,VBT phát triển năng lực, vở nháp, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1Khởi động** | - Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Xì điện”: Cô giáo làm quản trò -> em học sinh nào thì em đó sẽ đứng lên chỉ vào hình nào, mời bạn khác nói tên hình đó.  - Giới thiệu vào bài. | - HS chơi trò chơi |
| **2.Luyệntập,**  **thực hành** | **Bài 5: Số?**  - Gọi HS đọc đề bài  - GV hướng dẫn cách học sinh đếm hình khối.    - Gọi HS nhận xét.  - Nhận xét.  **Bài 6 (22): Nối (theo mẫu)**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài vào VBT  - 4 HS làm bảng phụ  - Gọi HS chữa bài  - Gọi HS nêu cách thực hiện  - Nhận xét.  => Chốt đáp án đúng.    **Bài 7 (23 ) Vẽ thêm kim đồng hồ và viết số trên mặt đồng hồ điện tử để hai đồng hồ đều chỉ đúng thời gian đã ghi:**  - Gọi HS đọc yêu cầu đầu bài  - Học sinh quan sát tranh rồi đọc trên mỗi đồng hồ khi kim dài (kim phút)  **a. 7 giờ sáng**  - Khi đồng hồ chỉ 7 giờ sáng thì kim giờ (là kim màu xanh) ngắn hơn kim phút, kim phút (là kim màu đỏ) là kim dài chỉ số 12.  - Mời HS trả lời câu hỏi:  **b.** **4:00 chiều**  - Từ 1 giờ chiều có được gọi là 1h khống? hay chúng ta gọi là:  - Nhận xét  - Chúng ta hãy cùng đếm xem, vậy 4 giờ chiều được gọi là bao nhiêu giờ?  - Kim ngắn chỉ số mấy? kim dài chỉ số mấy?  => Chốt đáp án đúng    16h000  7h00  **Bài 8 (23)**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  a. Nhà em có …. Đồ vật dạng khối trụ. Đó là?  - HS nêu những đồ vật?  - GVNX, Tuyên Dương.  b. Nhà em có …. Đồ vật dạng khối cầu. Đó là?  - HS nêu những đồ vật?  - GVNX, Tuyên Dương.  - *(Có thể tổ chức chơi trò chơi, theo 2 tổ viết lên bảng.)* “Ai nhanh – Ai đúng” | - HS đọc.  - Lắng nghe  - HS trả lời  *- 2 khối trụ*  *- 2 khối cầu*  *- 2 khối lập phương*  *- 1 hình chữ nhật*  - Nhận xét  - Lắng nghe  - HS đọc  - HS làm bài vào VBT  - HS nêu  - HS nêu cách làm  - HS lắng nghe  -HS đọc  - HS trả lời:  - HS làm bài  - HS Học sinh lên đưa kim theo đúng  - Lắng nghe  -HS đọc 13 giờ ạ.  - HS trả lời:  - HS nêu (8 -> 10 em)  - HS nêu (8 -> 10 em) |
| **3.Vận dụng** | - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Mời HS trả lời  - Gọi HS nhận xét    - Nhận xét, chốt đáp án  - Tuyên dương | - 1 HS đọc – lớp đọc thầm  - Đại diện nhóm nhóm trình bày cách làm và giải thích  - HS nhận xét |
|  | **\* Củng cố:**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài.  - Nhận xét giờ học.  **\* Dặn dò:**  - Nhận xét giờ học | - HS nêu  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt (ôn)**

**ÔN TẬP TUẦN 23 (Tiết 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

- Đọc đúng bài đọc *Chim chiền chiện*. Phát âm đúng các từ ngữ khó. Ngắt đúng các dấu câu.

- Hiểu được nghĩa của từ ngữ trong bài; trả lời được các câu hỏi, hiểu được bài đọc.

- Luyện tập chính tả về âm n/l, chọn tiếng thích hợp vào chố chấm.

- Rèn tính cẩn thận, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG**

**-** Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, Máy tính, tivi, bài giảng powerpoint.

- Học sinh**:** SGK, VBT phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt 2, tập Hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động** | - Tổ chức cho HS kể tên các loài chim mà em biết:  - Em hãy miêu tả hình dáng của nó?  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét.  - GV giới thiệu bài. | - HS kể tên  - HS nói  - Lắng nghe |
| **2. Luyện tập, thực hành** | **Bài 2: (22) Đọc và thực hiện yêu cầu.**  **Chim chiền chiện**  Chiền chiện có nhiều nơi gọi là sơn ca. Chiền chiện giống sẻ đồng Tri nhưng áo không một màu nâu sồng như chim sẻ. Áo của chiền chiện màu đồng thau, đốm đậm đốm nhạt rất hài hoà. Chiền chiện chân cao và mảnh, đầu rất đẹp, dáng dấp như một kị sĩ.  Chiền chiện có mặt ở khắp nơi, nhất là những vùng đất trời bao la. Khi chiều thu buông xuống, lúc đã kiếm ăn no nê trên bãi, trên đồng, chiền chiện vụt bay lên như viên đá ném vút lên trời. Theo cùng tiếng chim bay lên, từ không trung vọng xuống tiếng hót trong sáng diệu kì, giọng ríu ran đổ hồi, âm điệu hài hoà quyến rũ... Tiếng chim là tiếng nói của sứ giả mặt đất gửi tặng trời. Rồi, tiếng chim lại là tiếng nói của thiên sứ gửi lời chào mặt đất. in (Theo Ngô Văn Phú)  **2.1. Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu kết hợp giải nghĩa từ.  - GV tổ chức cho HS đọc tiếp nối câu, đoạn, yêu cầu cả lớp đọc thầm theo.  - Hướng dẫn HS đọc từ khó  *-* Hướng dẫn HS đọc câu:  - Cho cả lớp đọc nối tiếp đoạn  - Cho cả lớp đồng thanh. | - HS theo dõi, lắng nghe.  - HS đọc nối tiếp các câu, các đoạn.  - HS luyện đọc từ (cá nhân, đồng thanh).  - HS luyện đọc câu.  - Đọc nối tiếp đoạn.  - Lớp đồng thanh. |
|  | **2.2. Đọc hiểu**  - GV yêu cầu 1 HS đọc đầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu ND bài  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành các câu hỏi.  + a: a. Chim chiền chiện còn được gọi tên là gì?  + b: Hình dáng của chim chiền chiện như thế nào? Tìm từ ngữ trong bài điền vào chỗ chấm.  - Gọi HS nói từng bộ phận:  + c. Chiền chiện có mặt ở đâu?  +d.Khi nào chiền chiện vụt bay lên như viên đá ném vút lên trời?  +e. Tiếng hót của chiền chiện được miêu tả như thế nào? Nối để được những câu trả lời đúng.    +g. Theo em, vì sao tác giả gọi tiếng chim là tiếng nói của sứ giả mặt đất, là tiếng nói của thiên sứ bầu trời? | -1 HS đọc:  - HS thảo luận nhóm đôi các câu hỏi  + a: Nhiều nơi gọi là chim Sơn Ca  + b: HS tìm từ trong bài  – Màu lông: màu đồng thau, đốm đậm đốm nhạt rất hài hoà  - Chân: Chiền chiện chân cao và mảnh, đầu rất đẹp  – Đầu: đầu rất đẹp  – Dáng dấp: dáng dấp như một kị sĩ.  + c. Chiền chiện có mặt  - Chiền chiện có mặt ở khắp nơi, nhất là những vùng đất trời bao la  +d. Khi nào chiền chiện vụt bay lên:  - Khi chiều thu buông xuống, lúc đã kiếm ăn no nê trên bãi, trên đồng, chiền chiện vụt bay lên như viên đá ném vút lên trời.  - HS nối  +g.Vì tiếng chim Chiền Chiện như một thông điệp tốt lành từ trời cao gửi đến mặt đấ. |
|  | **Bài 3 (19):**  **a.Điền l/n vào chỗ chấm**  - Gọi HS đọc  - GV yêu cầu HS làm bài trong VBT, 2 bạn làm bảng phụ  - Đổi vở, chữa bài cho nhau.  - Gọi HS đọc  - Nhận xét, chốt đáp án.  **b.** **Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm.**  - GV yêu cầu HS đọc thầm, làm bài trong VBT.  - Chữa bài dưới hình thức trò chơi:  + Cách chơi: Chia lớp thành 2 đội chơi thi “Ai nhanh, ai đúng” . Đội nào tìm kết quả đúng và nhanh hơn đội đó thắng.  - Đổi vở, chữa bài cho nhau  -Nhận xét | - Đọc YC bài tập  - HS đọc thầm, làm bài trong VBT.  - HS đổi vở, chữa bài  - Một số HS đọc đáp án  *Hay chạy* ***l****on xon*  ***L****à gà mới* ***n****ở*  *Vừa đi vừa nhảy*  ***L****à em sáo xinh*  *Hay* ***n****ói* ***l****inh tinh*  ***L****à con liếu điếu*  *Hay nghịch hay tếu*  ***L****à cậu chìa vôi*  *Hay chao đớp mồi*  ***L****à chim chèo bẻo*  - Lắng nghe  - HS đọc thầm, làm bài trong VBT.  - Cả lớp quan sát 2 đội chơi và cùng chữa bài.  - (***mượt***/ mược): Những chú gà con có bộ lông tơ…..  – (trướt/ ***trước***): Chim khách hót .........  – (***lướt***/ lước): Những cánh chim…..  - (đượt/ ***được***): Nam vui sướng khi …….của chim hoạ mi.  - HS đổi vở, chữa bài cho nhau  - Lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | - GV hỏi:  + Em yêu thích loài chim nào nhất?  + Em đã làm những gì để chăm sóc, bảo vệ loài chim đó?  - GV nhận xét và giáo dục ý thức bảo vệ động vật. | - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe và thực hiện. |
|  | **\* Củng cố:**  **-** Qua bài học về hôm nay cho chúng ta hiểu chim chiền chiện làm bài chim như thế nào?  - Gọi 1 HS đọc to rõ ràng đọc trước lớp bài đọc “ Chim Chiền Chiền”  **\* Dặn dò:**  - GV nhận xét.  - Về nhà các em cần luyện đọc nhiều và chuẩn bị bài học sau. | - Chim chiền chiện có hình dáng đẹp và giọng hát hay.  - HS đọc.  - HS lắng nghe. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn: 3/3/2025

Ngày giảng: Thứ Năm ngày 6 tháng 3 năm 2025

**BÀI 5: LỊCH ĐỂ BÀN TIỆN ÍCH( Tiết 2)**

**DẠY HỌC STEM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, học sinh:

– Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng.

– Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản, có sẵn để tạo ra sản phẩm lịch để bàn tiện ích.

– Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường.

– Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm, chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm của nhóm mình trước lớp.

– Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**II. ĐỒ DÙNG**

-Giáo viên: Các phiếu học tập (như ở phụ lục) **,** Dụng cụ và vật liệu (dành cho 1 nhóm 2 học sinh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị/ Học liệu | Số lượng | Hình ảnh minh hoạ |
| 1 | Giấy bìa các-tông hoặc hộp giấy tái chế | 1 hộp |  |
| 2 | Bút chì | 1 cái |  |
| 3 | Bút màu | 1 hộp |  |
| 4 | Kéo thủ công | 1 cái |  |

-Học sinh (dành cho 1 nhóm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị/Dụng cụ | Số lượng | Hình ảnh minh hoạ |
| 1 | Thước kẻ | 1 cái |  |
| 2 | Bút chì | 1 cái |  |
| 3 | Kéo thủ công | 1 cái |  |
| 4 | Bút màu | 1 hộp |  |
| 5 | Giấy trắng | 2 – 3 tờ |  |
| 6 | Tranh ảnh về di tích lịch sử – văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên | 3 – 5 tranh ảnh |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35P)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động**  **2.Thựchành** | **-**GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh  -GV nhận xét  -GV nêu nội dung giờ học  **Hoạt động 4. Làm lịch để bàn tiện ích**  ***a) Lựa chọn dụng cụ và vật liệu***  – GV yêu cầu các nhóm lựa chọn dụng cụ, vật liệu đồ dùng phù hợp với ý tưởng của các nhóm.  Ví dụ: Chọn từng bộ phận của lịch để bàn làm bằng vật liệu gì? (giấy trắng, giấy A4 hay bìa cứng…)  ***a) Làm lịch để bàn tiện ích theo cách của em hoặc nhóm em***  – GV mời các nhóm thực hành làm lịch để bàn.  – GV gợi ý các bước làm lịch để bàn như sách Bài học STEM lớp 2 trang 26:  Bước 1: Tạo khung lịch.  Bước 2: Tạo tờ lịch tháng.  Bước 3: Trang trí tờ lịch tháng  Bước 4: Hoàn thiện lịch tháng.  – Quá trình HS làm việc nhóm, GV quan sát hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.  – HS hoàn thành sản phẩm. GV yêu cầu kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm theo tiêu chí.  **Hoạt động 5: Sử dụng lịch để bàn tiện ích**  – GV yêu cầu các nhóm: thử nghiệm sử dụng sản phẩm bằng cách trả lời các câu hỏi.  + Tờ lịch của em là tháng mấy?  + Tháng đó có bao nhiêu ngày?  + Có mấy ngày Chủ nhật? Đó là những ngày nào?  + Ngày đầu tiên của tháng đó là ngày thứ mấy?  + Ngày thứ Bảy đầu tiên của tháng là ngày bao nhiêu? | -HS chuẩn bị đồ dùng  -HS lắng nghe  – HS lựa chọn dụng cụ, vật liệu đồ dùng phù hợp với ý tưởng của các nhóm.  – Nhóm thực hành làm lịch để bàn.  – HS tham khảo. |
| – HS kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm theo tiêu chí. |
|  |
| –HS trả lời. |
|  | **Trưng bày và giới thiệu sản phẩm** |  |
| **3.Vận dụng** | – GV tổ chức cho các nhóm trưng bày và giới thiệu sản phẩm theo nhóm.  (Gợi ý: giới thiệu về cấu tạo của lịch để bàn, quy trình tạo ra lịch để bàn, vật liệu sử dụng, giới thiệu về các ngày trong tháng, ngày lễ, ngày sinh nhật các bạn trong nhóm, trong lớp hoặc ngày sinh nhật của người thân, ý nghĩa của việc trang trí sản phẩm của nhóm,…)  – GV mời các nhóm nhận xét, góp ý.  – GV tổ chức cho HS tự đánh giá sản phẩm của mình bằng cách tô khuôn mặt cảm xúc phù hợp.  – GV nhận xét, đánh giá, thông qua các phiếu đánh giá của HS.  **TỔNG KẾT BÀI HỌC**  – GV nhắc HS chưa hoàn thành các phiếu bài tập, sản phẩm hoàn thiện nốt.  – GV đề nghị HS sử dụng lịch để bàn để ở bàn học của em để xem hằng ngày.  – GV khen ngợi các nhóm tích cực tham gia hoạt động nhận được nhiều hình mặt cười và động viên các nhóm chưa làm tốt để lần sau cố gắng. | – Các nhóm trưng bày sản phẩm.  Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm. |
| – Nhóm khác nhận xét, góp ý. |
| -HS lắng nghe |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 3/3/2025

Ngày giảng: Thứ Sáu ngày 7 tháng 3 năm 2025

**TOÁN : TIẾT 120**

**LUYỆN TẬP CHUNG (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Củng cố kĩ năng xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, 6, 12. Củng cố kĩ năng xem lịch và xác định số ngày trong tháng, xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mấy trong tuần.

- Vận dụng kĩ năng xem đồng hồ, xem lịch vào giải quyết vấn đề trong cuộc sống

- Rèn tính chất cẩn thận, nhanh nhẹn trong học tập và trong cuộc sống, giúp học sinh cảm nhận được sự kết nối giữa toán học và cuộc sống qua đó học sinh cảm nhận sự quý giá của thời gian.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên**: Đồng hồ quay được kim giờ, kim phút, lịch tháng.

**2.Học sinh**: SGK, vở, đồ dùng học tập,…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU (35’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động | - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm hoặc cả lớp: Học sinh đọc một giờ rồi đố bạn đọc giờ đó theo cách khác. Chẳng hạn, HS đọc: 13 giờ còn gọi là mấy giờ, bạn trả lời: 13 giờ hay 1 giờ chiều.  - GV cho học sinh chơi vài lượt, nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe luật chơi.  - HS chơi.  -HS lắng nghe. |
| 2. Luyện tập thực hành | \*Bài 1 (38): Đồng hồ nào ứng với câu sau:  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV yêu cầu học sinh thực hiện các thao tác sau:  + Đọc các câu mô tả tình huốngliên quan đế thời gian, quan sát đồng hồ rồi chọn đồng hồ thích hợp với mỗi câu  + Cho học sinh nói cho bạn nghe kết quả.  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp hoặc chia sẻ xem ở thời điểm đó trong ngày em làm những gì?  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Gv nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (38) Câu nào đúng, câu nào sai:  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  - Gọi hs trả lời  - Gv nhận xét, tuyên dương.  \*Bài 3 (38): Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ:  - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV cho học sinh thực hiện theo cặp: HS quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong SGK, mỗi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiểm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa.  - Gv cho đại diện các nhóm trình bày trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu bài  - HS thực hiện thao tác dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  - Học sinh nói kết quả cho bạn nghe.  - Học sinh thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS đọc yêu cầu bài  a, Đi học đúng giờ: S  b, Đi học muộn giờ: Đ  a, Ngân hàng mở cửa: Đ  b, Ngân hàng đóng cửa: S  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS thực hiện thao tác dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  -Học sinh nói kết quả cho bạn nghe  -Đại diện các nhóm trình bày |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt: Tiết 240:**

**GÓC SÁNG TẠO: THÔNG ĐIẸP TỪ LOÀI CHIM. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. YÊU CÀU CẦN ĐẠT**

- Viết được thông điệp có ý nghĩa về việc chăm sóc, bảo vệ các loài chim.

- Hiểu và làm theo văn bản hướng dẫn hoạt động: Gấp được một con chim bằng bìa giấy hoặc lá dừa (mẫu 1) hoặc cắt dán một con chim giấy (mẫu 2).

- Có ý tưởng và thực hiện được ý tưởng sáng tạo trong hoạt động.

- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ các loài chim, bảo vệ môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Sản phẩm mẫu: 1 con chim gấp bằng giấy hoặc lá dừa (theo mẫu 1); 1 con chim cắt dán bằng giấy (theo mẫu 2); bìa hoặc lá dừa để làm mẫu động tác gập chim; nam châm để gắn sảm phẩm trưng bày.

**2. Học sinh**

- Vở Bài tập Tiếng Việt 2, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động  2. Thực hành  3. Vận dụng  Tự đánh giá | - Tiết học hôm này các em sẽ trưng bày, giới thiệu sản phẩm. Cả lớp sẽ bình chọn những con chim được gấp, cắt dán đẹp, mang thông điệp hay và tự đánh giá.  Cách tiến hành:  - GV hướng dẫn các bạn trong nhóm trao đổi sản phẩm, chọn sản phẩm ấn tượng để giới thiệu trước lớp.  - GV đính lên bảng 9-10 sản phẩm đã được chọn. GV mời HS lên bảng lần lượt giới thiệu sản phẩm thủ công của mình và đọc thông điệp.  - GV khen những HS hoàn thành tốt bài tập sáng tạo.  - GV dặn dò HS mang con chim giấy có chứa thông điệp của loài chim về treo ở góc học tập.  \* HS đánh dấu, tự đánh giá  - GV yêu cầu HS đánh dấu v tự đánh giá trong VBT: những việc mình đã biết (cột trái) và những gì đã làm được (cột phải).  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả.  - Nhận xét  - GV khen ngợi những HS chuẩn bị bài tốt.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_3.png- GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết học sau. | - HS trao đổi sản phẩm trong nhóm với nhau.  - HS giới thiệu sản phẩm.  - HS treo ở góc học tập.  - HS đánh dấu tự đánh giá trong VBT.  - 1 số HS báo cáo  - HS lắng nghe, thực hiện. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**Hoạt động trải nghiệm: BÀI 24:**

**PHÒNG TRÁNH BỊ BẮT CÓC (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Sơ kết tuần:**

- HS nhớ lại những việc mình đã thực hiện được trong tuần. GV hướng dẫn HS những việc cần thực hiện trong tuần tiếp theo.

- Rèn cho HS thói quen thực hiện nền nếp theo quy định.

- Giáo dục HS yêu trường, yêu lớp.

**2.** **Hoạt động trải nghiệm:**

-HS mạnh dạn xử lí một số tình huống có nguy cơ bắt cóc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Mũ nhân vật sói, mũ nhân vật cừu.

**2. Học sinh**: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU (35’):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Hoạt động Tổng kết tuần.  2. Hoạt động trải nghiệm.  3. Cam kết hành động. | a. Sơ kết tuần 24:  - Từng tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 24.  - GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần.  \* Ưu điểm: Lớp ngoan ngãon, nghe lời cô giáo. Trong giờ học lớp trật tự.  \* Tồn tại: Vẫn có em đi dép lê đến lớp, trong lớp chưa hăng hái giơ tay phát biểu bài.  b. Phương hướng tuần 25:  - Tiếp tục ổn định, duy trì nền nếp quy định.  - Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra.  - Tích cực học tập để nâng cao chất l­ượng.  - Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ sinh tr­­ường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt ....  a. Chia sẻ cảm xúc sau trải nghiệm lần trước.  - HS chia sẻ với bạn về 5 ngón tay “người thân” của mình.  b. Hoạt động nhóm:  - GV mời 8 – 10 HS đóng vai cừu, chọn 1 bạn vào vai cừu nhỏ. 10 – 12 bạn đóng vai làm hàng rào nắm tay nhau bao quanh đàn cừu. Các HS còn lại ngồi ở dưới sẽ đóng vai làm những chiếc chuông, kêu “Reng reng” khi cần thiết. GV vào vai sói và dẫn dắt câu chuyện  - GV lần lượt đưa ra các tình huống để sói đến gần hơn với cừu.  - GV khuyến khích HS đưa ra phương án của mình, khi nào “tiếng chuông báo động” sẽ rung lên?  - GV Khen ngợi, đánh giá.  - GV kết luận.  - Đề nghị HS học thuộc số điện thoại của 1 – 2 người thân và địa chỉ của nhà mình. | - Lần lượt từng tổ trưởng, lớp trưởng báo cáo tình hình tổ, lớp.  - HS nghe để thực hiện kế hoạch tuần 25.   * HS chia sẻ. * HS xung phong sắm vai tham gia vào câu chuyện.   - Khi cừu nhỏ thấy nguy hiểm, bạn trong vai cừu phất tay, các HS ở dưới kêu “Reng reng, reng reng”.   * HS lắng nghe * HS lắng nghe để thực hiện. |

*\*Rút kinh nghiệm sau giờ dạy ( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_